

Số: 2249 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 16 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi về thời gian giải quyết trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2024/TTr-SNNPTNT ngày 05 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi về thời gian giải quyết trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Danh mục kèm theo).

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

1. Cập nhật thủ tục hành chính được công bố vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định; trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC; hoàn thành việc cấu hình TTHC trên phần mềm hệ thống xử lý dịch vụ công tập trung.

2. Niêm yết, công khai theo quy định thủ tục hành chính đã được ban hành

tại Quyết định này.

3. Triển khai thực hiện giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn tại Quyết định này kèm theo các nội dung đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn/>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thừa Thiên Huế (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn/>) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế Quyết định số 1998/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT, và PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- TTPVHCC, Cổng TTĐT;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (đồng)	Địa điểm và Cách thức thực hiện TTHC	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện
1	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (3.000152)	<p>1. Thẩm quyền của Quốc hội: 55 ngày làm việc. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và PTNT lập báo cáo, trình UBND tỉnh - Trong thời hạn 25 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định, lập báo cáo thẩm định trình Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ; tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. - Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Thực hiện theo quy chế làm việc của Chính Phủ. <p>2. Thẩm quyền của Thủ tướng Chính</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm, cách thức thực hiện: + Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế. Số 01 Lê Lai, thành phố Huế. + Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thừa Thiên Huế hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia. <p>Trường hợp tổ chức nộp hồ trực tuyến thì bản chính bộ hồ sơ đầy đủ gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm PVHCC tỉnh để chuyển đến Sở Nông</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp; - Quyết định số 2762/QĐ-BNN-TCLN ngày 22/7/2022 về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực lâm 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND tỉnh. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh/Thủ tướng Chính Phủ/Quốc hội

	<p>phủ: 55 ngày làm việc. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và PTNT lập báo cáo, trình UBND tỉnh - Trong thời hạn 25 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định, lập báo cáo thẩm định trình Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ; tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. - Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Thực hiện theo quy chế làm việc của Chính Phủ. <p>3. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 38 ngày làm việc (Chưa kể thời gian làm việc của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh).</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn 28 ngày làm việc kể từ 	<p>ng nghiệp và PTNT.</p>	<p>ng nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	
--	---	---------------------------	--	--

		<p>ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng. Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và nêu rõ lý do.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.</p>				
--	--	---	--	--	--	--

Ghi chú: Chỉ cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính đối với trường hợp Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, tổng 38 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 05 ngày làm việc, UBND tỉnh 33 ngày. Cắt giảm 07 ngày làm việc so với quy định. Các trường hợp thuộc thẩm quyền Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ giữ nguyên theo quy định.